TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11 - VĨNH LONG** Bản án số: 05/2026/DS-ST Ngày: 03-02-2026 V/v tranh chấp hợp đồng gia công	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thảo.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Thanh Nhàn.
Ông Kiên Ngọc Minh.
- Thư ký phiên tòa: Bà Quách Thúy Lam – Thư ký của Tòa án nhân dân khu vực 11 - Vĩnh Long.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Tính – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 - Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 163/2025/TLST-DS ngày 15 tháng 10 năm 2025 về *"Tranh chấp hợp đồng gia công"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2026/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị T, sinh ngày: 20-10-1980 (*Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt*).

Địa chỉ: ấp H, xã T, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bị đơn: Bà Lê Thị H, sinh ngày: 01-01-1967 (*Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt*).

Địa chỉ: ấp G, xã T, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 09-10-2025, bản tự khai ngày 21-10-2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Huỳnh Thị T trình bày:

Bà có tham gia tổ hợp may gia công túi xách ở ấp Đ, xã T, tỉnh Vĩnh Long do bà Lê Thị H làm chủ thuê bà làm công trong khoảng 05 tháng tính từ ngày 22-02-2024 với mức lương sản phẩm. Quy định giá của những công đoạn như sau:

Ngồi máy 01 kim những công đoạn ngắn giá 50 đồng, công đoạn dài như may miệng 100 đồng, sường giỏ 150 đồng, kèm móc treo 120 đồng, treo rờ 100 đồng 02 móc (50 đồng 01 móc treo trên 01 sản phẩm).

Ngồi máy 02 kim chạy 02 đường viền dài 300 đồng, ngắn 50 đồng hoặc bẻ miệng dài 250 đồng trên 01 sản phẩm.

Từ tháng đầu vào làm là ngày 22-02-2024 đến ngày 16-3-2024 đã may những công đoạn gồm:

Máy 01 kim:

+ Ba rai ngắn: 2.570 cái x 200 đồng/cái = 514.000 đồng.

+ Chạy 02 kim chạy sọc đường dài: 6.100 cái x 300 đồng/cái = 1.830.000 đồng.

+ Một kim đường dài miệng: 6.784 cái x 100 đồng/cái = 678.000 đồng.

+ Một kim gắn râu (1): 1.508 cái x 50 đồng/cái = 75.900 đồng.

+ Một kim gắn râu (2): 2.820 cái x 100 đồng/cái = 282.000 đồng.

Tổng số lương tháng này là 3.379.000 đồng, bà H trả đủ.

- Tháng kế tiếp, từ ngày 16-3-2024 đến ngày 16-4-2024, đã may những công đoạn gồm:

+ May 01 kim miệng đường dài: 6.700 cái x 100 đồng/cái = 670.000 đồng.

+ May 02 đường hong: 182 cái x 150 đồng/cái = 27.300 đồng.

+ Cho thêm tiền phụ sửa hàng hư: 50.000 đồng.

+ May đường dài máy 02 kim (mã hàng cam dâu): 5.260 cái x 250 đồng/cái = 1.315.000 đồng.

+ Hai kim chạy sọc: 6.600 cái x 300 đồng/cái = 1.980.000 đồng.

Tổng số lương tháng này là 4.042.000 đồng, nhưng bà H không trả đủ, chỉ đưa trước 2.042.000 đồng, còn nợ lại 2.000.000 đồng hứa tháng sau trả.

- Tháng kế tiếp, từ ngày 16-4-2024 đến ngày 16-5-2024, đã may những công đoạn gồm:

+ Hai kim chạy sọc: 5.240 cái x 300 đồng/cái = 1.572.000 đồng.

+ Một kim miệng đường dài: 7.033 cái x 120 đồng/cái = 843.000 đồng.

+ Một kim ráp 02 đường hong: 450 cái x 150 đồng/cái = 67.500 đồng.

+ Một kim ngắn ba rai: 3.275 cái x 200 đồng/cái = 655.000 đồng.

+ Một kim nối nhiễu 02 đường ngắn: 300 cái x 100 đồng/cái = 30.000 đồng.

+ Nhiễu 01 đường ngắn: 3.580 cái x 50 đồng/cái = 179.000 đồng.

Tổng số lương tháng này là 3.346.500 đồng, bà H chưa thanh toán với lý do hàng hư nhiều, công ty chưa chuyển tiền kịp, hẹn vài ngày nữa.

- Tháng kế tiếp, từ ngày 16-5-2024 đến ngày 16-6-2024, đã may những công đoạn gồm:

+ 02 kim chạy sọc: 13.659 cái x 300 đồng/cái = 4.097.000 đồng.

+ 02 kim đường ngắn nhí đỏ: 5.700 cái x 50 đồng/cái = 285.000 đồng.

+ 01 kim miệng kèm 01 râu: 14.800 cái x 120 đồng/cái = 1.776.000 đồng.

Tháng này bà H tính cho thêm và cộng tiền thiếu tổng cộng là 6.158.000 đồng.

Ngày 18-6-2024, bà H có trả cho bà số tiền 750.000 đồng, trừ số lương còn lại 5.408.000 đồng.

Ngày 16-6-2024 đến ngày 20-6-2024, bà H có yêu cầu bà phụ may cho xong mã hàng mới được nghỉ tại xưởng. Bà đã may những công đoạn sau:

+ Miệng 01 kim kèm 01 râu: 6.160 cái x 120 đồng/cái = 739.000 đồng.

+ 01 kim ráp 02 đường hong: 200 cái x 150 đồng/cái = 30.000 đồng.

Tổng cộng lương trong 05 ngày là 770.000 đồng (Bà H tính chẵn).

Ngày 20-6-2024 là ngày cuối cùng bà nghỉ làm, bà H ký cam kết hứa với bà 10 ngày sau (ngày 30-6-2024) trả đủ toàn bộ 03 tháng lương là 11.530.000 đồng. Đến hẹn, bà H không trả mà hẹn tiếp 05 ngày sau (ngày 05-7-2024) thanh toán đầy đủ cho bà, nhưng vẫn không trả. Ngày 08-7-2024, bà có liên hệ bà H giải quyết tiền nợ lương, nhưng bà H cứ tiếp tục hứa.

Nên bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà H trả cho bà số tiền may gia công túi xách bà H chưa trả trong 03 tháng là 11.530.000 đồng. Bà đã nộp cho Tòa án bản gốc tờ cam kết nội dung bà H ký tên xác nhận nợ, hứa trả nợ. Ngoài ra, bà không nộp thêm chứng cứ khác, cũng không thuộc diện gia đình chính sách nào.

Tại bản tự khai ngày 19-01-2026, bị đơn bà Lê Thị H trình bày:

Bà xác nhận có nợ tiền thuê bà Huỳnh Thị Thúy M gia công túi xách cho bà trong 03 tháng là 11.530.000 đồng. Nay bà T kiện đòi số tiền này bà cũng đồng ý trả, nhưng xin trả dần, vì hiện nay bà chưa có khả năng trả đủ một lần cho bà T; Bà không thuộc diện gia đình chính sách.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn và bị đơn cùng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Vĩnh Long tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi Tòa thụ lý đến thời điểm này, Thẩm phán đã chấp hành đúng theo Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp, xác định tư cách người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời gian ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát, cấp và tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử thực hiện đầy đủ và đúng theo trình tự pháp luật quy định của phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử. Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự; đối với bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Vị đề nghị căn cứ vào quy định tại các Điều 351, 357, 468, 542, 544, 547, 552 của Bộ luật Dân sự; các Điều 26, 39, 92, 147, 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị T; Buộc bà Lê Thị H phải trả cho bà T số tiền thuê bà T may gia công túi xách mà bà H chưa trả trong 03 tháng là 11.530.000 đồng; Trường hợp bà H chậm trả tiền thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Ngoài ra, Vị đề nghị nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân khu vực 11 - Vĩnh Long nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Bà Huỳnh Thị T yêu cầu bà Lê Thị H trả tiền may gia công túi xách còn nợ. Nên đây là tranh chấp hợp đồng gia công quy định tại Điều 542 Bộ luật Dân sự năm 2015. Đối với bà H có địa chỉ cư trú tại ấp G, xã T, tỉnh Vĩnh Long. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân khu vực 11 - Vĩnh Long thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] *Về xác định tư cách người tham gia tố tụng:* Bà T có đơn khởi kiện bà H. Nên xác định bà T là nguyên đơn, bà H là bị đơn. Các đương sự không tranh chấp hay yêu cầu gì với ai khác trong cùng vụ án, nên không phát sinh thêm người tham gia tố tụng.

[3] *Về thủ tục tố tụng*: Bà T, bà H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa xét xử vụ án, nhưng các bà có đơn yêu cầu giải quyết - xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo luật định.

[4] *Về nội dung khởi kiện*: Theo Điều 6 và Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự quy định nghĩa vụ chứng minh là nghĩa vụ của các bên đương sự. Giữa nguyên đơn bà Huỳnh Thị T và bị đơn bà Lê Thị H cùng thống nhất xác định có xác lập hợp đồng may gia công túi xách với nhau, người thuê là bà H và người được thuê là bà T, thống nhất số tiền thuê gia công hiện nay bà H còn nợ bà T là 11.530.000 đồng. Nay bà T yêu cầu bà H phải trả tiền nợ; Bị đơn bà H đồng ý trả nợ nhưng xin trả dần. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, bà T đã cung cấp cho Tòa án bản gốc Đơn xin cam kết ngày 20-6-2024 có ký tên, ghi rõ họ tên của bà H. Bà H thừa nhận tờ Đơn này; Tại bản tự khai ngày 19-01-2026 bà H xác nhận còn nợ tiền thuê gia công túi xách của bà T là 11.530.000 đồng; Bà H không nộp chứng cứ gì để phản bác ý kiến, yêu cầu của bà T. Xét việc bị đơn bà H chưa trả khoản tiền thuê gia công, nên nguyên đơn bà T yêu cầu bà H phải thực hiện nghĩa vụ trả tiền là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các Điều 542, 544, 547, 552 Bộ luật Dân sự. Việc bà H xin trả dần tiền nợ, nhưng bà T không có ý kiến đồng ý. Tòa án không có cơ sở xem xét ý kiến xin trả dần tiền nợ của bị đơn, khi nguyên đơn và bị đơn không thỏa thuận được với nhau về thời gian và cách thức trả nợ.

[5] Từ phân tích trên, có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà Huỳnh Thị T; Buộc bà Lê Thị H có nghĩa vụ phải trả cho bà T tiền thuê bà T may gia công túi xách còn nợ là 11.530.000 đồng.

[6] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Yêu cầu của bà Huỳnh Thị T được chấp nhận nên bà T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí. Đối với bà Lê Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 5% trên số tiền phải trả cho bà T.

[7] Xét quan điểm của Vị kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Vĩnh Long là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 39, 92, 147, 227, 228, 238, 266, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 280, 351, 357, 468, 542, 544, 547, 552 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 17 Luật phí và lệ phí; Điều 26, điểm b Tiểu mục 1.3 Mục 1 Phần II (Danh mục án phí, lệ phí Tòa án) Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị T.

Buộc bị đơn bà Lê Thị H phải trả cho nguyên đơn bà Huỳnh Thị T số tiền thuê gia công túi xách còn nợ là 11.530.000đ (Mười một triệu năm trăm ba mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc bà Lê Thị H phải chịu 576.500đ (Năm trăm bảy mươi sáu nghìn năm trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.
- Hoàn trả lại cho bà Huỳnh Thị Thúy 3 (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số 0005013 ngày 10 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án

dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND khu vực 11 - Vĩnh Long;
- Lưu: VT; hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Thảo